

NGHỆ THUẬT CHỌN ĐỊA HÌNH, SỬ DỤNG VÀ KIẾN TẠO ĐỊA HÌNH TRONG CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ

LƯƠNG THỊ TIỀN

Tóm tắt

Năm 1954, dân tộc Việt Nam đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ. Đó là đỉnh cao chói lọi của chiến công giữ nước giải phóng dân tộc, một lần nữa biểu hiện tài năng trí tuệ và nghệ thuật quân sự Việt Nam. Một trong những sự kế thừa và phát huy truyền thống của tổ tiên ta xưa thể hiện rõ nét trong chiến công này là việc chọn địa hình Điện Biên Phủ, sử dụng và kiến tạo địa hình nơi đây để tạo ra ưu thế vượt trội, tìm ra cách đánh phù hợp dẫn tới chiến thắng.

1. Chọn địa hình Điện Biên Phủ

Mỗi trận đánh, mỗi chiến dịch đều diễn ra trong một không gian nhất định. Bởi vậy, việc chọn địa hình, nghiên cứu địa hình để tìm ra cách đánh phù hợp, chắc thắng là điều rất cần thiết. Năm 938, để chặn đánh đoàn thuyền của quân Nam Hán do Hoảng Thao chỉ huy vào xâm lược nước ta, Ngô Quyền đã chọn vùng cửa biển sông Bạch Đằng là nơi có những cồn bãi, đầm lầy, kênh rạch, đặt điểm quyết chiến diệt gọn quân Hoảng Thao. Đến cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần 3, sông Bạch Đằng lại một lần nữa được chọn làm trận địa mai phục quy mô lớn, chôn vùi đạo quân của Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông.

Trong thế kỷ XX, địa danh Điện Biên Phủ đã từng khiến cho nhân loại hướng về dải đất hình chữ S trên bán đảo Đông Dương, một nước nguyên là thuộc địa bị các thế lực thực dân xóa tên gần 100 năm trên bản đồ thế giới.

Điện Biên Phủ là một thung lũng lòng chảo rộng lớn nằm ở phía tây vùng núi rừng Tây Bắc, cách thủ đô Hà Nội khoảng 300km đường chim bay. Thung lũng này có chiều rộng khoảng 8km, chiều dài khoảng 18km, nằm gần biên giới Việt Lào, trên một ngã ba của nhiều tuyến đường quan trọng: phía đông bắc giáp với Lai Châu; phía đông nam giáp Tuần Giáo, Sơn La, Nà Sản; phía tây thông với LuôngPhabang; phía nam thông với Sầm Nưa.

Xung quanh thung lũng là một vùng núi rừng trùng điệp bao bọc. Núi có độ cao trung bình 500m, có mồm đột xuất cao tới 1461m. Thung lũng Điện Biên là cánh đồng bằng phẳng, đồng ruộng khô ráo về mùa khô.

Nhưng ngay sát thung lũng về phía đông bắc có một dải địa hình đặc biệt gồm một số điểm nổi lên cao hơn mặt cánh đồng trên dưới 30m và hình thành một bức bình phong che chở cho thung lũng trên hướng Tuần Giáo - Điện Biên Phủ. Trong thung lũng còn có sông Nậm Rốm chảy theo hướng bắc nam đổ xuống sông Nậm Hu.

Thời tiết Điện Biên Phủ chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa khô từ tháng 10 đến tháng 3, mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 9. Vào mùa khô sương mù dày đặc từ 3 giờ chiều hôm trước tới 9 giờ sáng hôm sau. Về mùa mưa, mưa kéo dài, nhiều lũ, độ ẩm lớn.

Với vị trí địa lí và điều kiện thời tiết như vậy nên ngay khi quân Pháp nhảy dù xuống Điện Biên Phủ chúng ta đã nhận thấy những điểm yếu của địch và những thuận lợi cho ta ở địa hình này:

Nằm cô lập giữa núi rừng trùng điệp mênh mông của Tây Bắc và thượng Lào, Điện Biên Phủ rất xa những căn cứ hậu phương của địch. Mọi việc tăng viện hoặc tiếp tế đều do đường hàng không đảm nhiệm. Nếu đường hàng không bị cắt đứt thì quân Pháp ở đây sẽ lâm vào thế bị động, phòng ngự trong những điều kiện khó khăn và nếu lâm nguy cũng khó rút quân được toàn vẹn.

Bên cạnh đó, địa hình rừng núi vốn rất quen thuộc, thuận lợi trong tác chiến của ta. Những dãy núi trùng điệp xung quanh thung lũng Điện Biên trở thành vũ khí lợi hại cho quân đội ta khi đặt pháo ở những sườn núi để khống chế các căn cứ của địch tại cánh đồng Điện Biên.

Về phía quân Pháp, trong đông xuân 1953-1954 đã có kế hoạch tập trung binh lực, tăng cường khối lực lượng cơ động chiến lược với 84 tiểu đoàn thiện chiến, trong đó 44 tiểu đoàn tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ nhằm giành lại thế chủ động trên chiến trường. Nhưng chúng ta đã sử dụng một bộ phận bộ đội chủ lực tiến công vào những điểm mà địch tương đối sơ hở như Luông Phabang, Antôơ, Tây Nguyên... buộc chúng phải phân tán lực lượng, phá sản kế hoạch quân sự Nava đã từng được chính giới Pháp và Mỹ đánh giá cao.

Trong tình thế bị động đó thực dân Pháp đã buộc phải “ném” quân chủ lực xuống núi rừng Tây Bắc, điều mà trước đó trong kế hoạch Nava chưa từng đề cập tới.

Mặc dù vậy, quân Pháp vẫn nhận định rằng: Điện Biên Phủ là một địa bàn quan trọng, một vị trí chiến lược cơ động giữa miền Bắc Việt Nam, thượng Lào và miền tây nam Trung Quốc. Nơi đây có thể trở thành một căn cứ lực quân và không quân có tác dụng lợi hại trong âm mưu bá quyền tại

Đông Nam Á. Chúng lại dựa vào thế mạnh về hỏa lực, về không quân để cho rằng quân của Việt Minh không thể tiến hành các hoạt động quân sự ở Điện Biên Phủ, một nơi quá xa hậu phương, rất khó khăn cho việc duy trì những tuyến chi viện hậu cần.

Rõ ràng, với cách nhìn của những nhà quân sự tư sản, các tướng lĩnh trong quân đội Pháp lúc bấy giờ đã không thể thấy hết được những khả năng của một quân đội nhân dân, của cả một dân tộc đang chiến đấu vì độc lập tự do; và càng không thể hiểu được tinh thần đấu tranh bất khuất, quyết chiến quyết thắng của con người Việt Nam với truyền thống hào hùng qua hàng ngàn năm lịch sử.

Với những nhận định như vậy, quân đội Pháp, đứng đầu là H.Nava đã chọn Điện Biên Phủ để xây dựng tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Sự lựa chọn này của địch đã trở thành một cơ hội tốt cho chúng ta để tiêu diệt sinh lực tinh nhuệ của địch và kết thúc chiến tranh. Tháng 12 năm 1953, Bộ chính trị đã hạ quyết tâm mở chiến dịch Điện Biên Phủ

Sau khi quyết định chọn địa hình Điện Biên Phủ, quân và dân cả nước đã dốc sức cho chiến dịch với một quyết tâm cao độ, tạo nên sức mạnh tổng lực đánh thắng kẻ thù trong một thế trận hiểm hóc, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến trường kỳ.

2. Kiến tạo địa hình Điện Biên Phủ

Nếu như dân tộc ta đã từng vót nhọn cọc gỗ cắm xuống sông Bạch Đằng tạo thành một bãi chướng ngại vật lớn để cản đường tháo chạy của địch; bộ binh và pháo binh ta cũng đã từng bí mật đào công sự mai phục hai bên bờ và trên cù lao giữa sông Rạch Gầm, Xoài Mút... thì một lần nữa những khéo léo trong nghệ thuật quân sự của tổ tiên lại được sử dụng thành công tại núi rừng Tây Bắc vào giữa thế kỷ XX.

Tại đây, quân Pháp đã xây dựng và củng cố hệ thống phòng ngự thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương lúc bấy giờ. Lực lượng phòng ngự ở đây có 12 tiểu đoàn và 7 đại đội, 2 tiểu đoàn lựu pháo 105mm, 2 tiểu đoàn súng cối 120mm, 1 đại đội trọng pháo 155mm, 1 tiểu đoàn công binh, 1 đại đội xe tăng, 1 đại đội xe vận tải, 1 phi đội máy bay thường trực. Tổng số quân lên tới 16.200 tên, chủ yếu là lính Âu, Phi tinh nhuệ, đặt dưới quyền chỉ huy của tướng Đờcatxtori.

Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có 49 cứ điểm, mỗi cứ điểm đều có hệ thống công sự, hàng rào vật cản, hỏa lực để độc lập chiến đấu, đồng thời những cứ điểm gần nhau lại được tổ chức thành trung tâm đề kháng. Địch đã xây dựng 8 trung tâm đề kháng chia làm 3 phân khu:

Phân khu trung tâm ở ngay giữa cánh đồng Mường Thanh, tập trung gần 2/3 lực lượng của địch, có nhiều trung tâm đề kháng ủng hộ lẫn nhau và bao bọc lấy cơ quan chỉ huy. Chúng có sẵn một lực lượng pháo binh và cơ giới đủ sức đánh chặn mọi cuộc tiếp cận qua cánh đồng bằng phẳng; có sẵn một hệ thống công sự, dây thép gai và hào chiến đấu đủ sức tiêu hao và đánh lui mọi lực lượng tiến công; có sẵn một lực lượng pháo binh cơ giới và không quân đủ sức ngăn chặn và tiêu diệt các căn cứ pháo binh dễ phát hiện của quân ta.

Phân khu bắc gồm các trung tâm đề kháng là: đội Độc lập và bản Kéo. Đội độc lập có nhiệm vụ án ngữ phía bắc, ngăn chặn cuộc tiến công của quân ta từ hướng Lai Châu vào Điện Biên Phủ.

Phân khu nam còn gọi là phân khu Hồng Cúm, có nhiệm vụ ngăn chặn quân ta tiến công từ phía nam lên, đồng thời giữ đường liên lạc với Lào

Ngoài ra Điện Biên Phủ có 2 sân bay: sân bay chính ở Mường Thanh, sân bay dự bị ở Hồng Cúm. Hai sân bay này được nối liền với Hà Nội, Hải Phòng bằng một cầu hàng không. Trung bình hàng ngày khoảng 100 lần máy bay vận tải tiếp tế từ 200 đến 300 tấn hàng và thả dù khoảng 100-150 tấn hàng xuống Điện Biên. Các tướng lĩnh Pháp rất tự hào về cầu hàng không này và đã từng huênh hoang rằng: “chỉ cần một lính Pháp ở đây bị đau răng thì buổi sáng có thể lên máy bay về Hà Nội chữa răng, ăn trưa ở khách sạn Métropole và buổi chiều quay trở lại Điện Biên Phủ để tiếp tục chiến đấu!”*.

Với lực lượng hùng hậu và cơ cấu phòng ngự như vậy, Điện Biên Phủ đã thực sự trở thành một tập đoàn cứ điểm khổng lồ mạnh nhất Đông Dương, cho phép quân đội Pháp, chính khách cấp cao tự hào, đặt niềm tin vào chiến thắng. Trong và sau thời gian xây dựng, tập đoàn cứ điểm này đã đón nhận được sự quan tâm và viếng thăm của khá nhiều chính khách phương Tây: Nava, CôNhi (Bộ trưởng quốc phòng Pháp); Plêven (Bộ trưởng các quốc gia liên kết); M.Giắcê (Bộ trưởng chiến tranh Pháp); Đơsovinhê (chỉ huy lực lượng bộ binh Mỹ ở Thái Bình Dương); Đanhien (tư lệnh quân đội Anh Ấn ở Viễn Đông) v.v...tất cả đều rất tâm đắc và cho rằng Điện Biên Phủ là một “pháo đài bất khả xâm phạm”, một “con nhím” giữa núi rừng Tây Bắc, thậm chí là “chiếc cối xay thịt” đối với quân đội Việt Minh.

Thực tế, cách thức phòng ngự mới này của địch đã trở thành một thách thức lớn đối với quân đội ta. Nhưng nếu chúng ta không tiêu diệt được tập đoàn cứ điểm này thì không đánh bại được hình thức đối phó mới nhất, cao nhất của địch, không đánh bại được sự cố gắng lớn nhất của chúng và không thể tiến tới kết thúc chiến tranh. Chiến trường Điện Biên Phủ lại ở

cách xa hậu phương 400 - 500 km, các tuyến đường chi viện hết sức khó khăn nguy hiểm; không quân địch đánh phá, thời tiết không thuận lợi, mùa mưa đến gần nên việc chi viện cho mặt trận càng khó khăn hơn.

Nhưng với quyết tâm cao độ, quân và dân ta đã phân tích những điểm mạnh, yếu của địch, cải tạo những khó khăn về mặt địa hình, lợi dụng địa thế để bố trí thế trận tiến công:

Trước hết chúng ta đã gấp rút *mở con đường* Tuần Giáo - Điện Biên đi qua những đồi núi liên tiếp, nhiều dốc cao và vượt qua gần 100 con suối lớn nhỏ để *vận chuyển pháo vào trận địa*.

Lúc đầu khi địch còn sơ hở, pháo binh của ta đã được di chuyển bằng xe hơi đến vùng phụ cận Điện Biên Phủ, rồi từ đó cho tới trận địa lâm thời, bộ đội ta đã dùng sức người để kéo pháo suốt bảy ngày đêm. Khi địch phát hiện và đánh phá ác liệt, chúng ta phải dùng sức người để kéo pháo trên con đường này dài tới 18km, qua nhiều núi đèo, nơi cao nhất là 1000m và thấp nhất là 600m so với mặt biển. Trong mười ngày đêm, những khẩu pháo 150 mm và pháo cao xạ 37 mm vượt đèo cao suối sâu một cách bí mật vào trận địa.

Tiếp đó, chúng ta đã mở năm con đường mới để vận chuyển pháo binh bằng xe hơi. Đây là những con đường được mở qua các sườn núi và ngọn đèo ở xung quanh Điện Biên Phủ, trong tầm hoả lực pháo binh của địch. Những con đường này được nguy trang kín đáo, giữ được bí mật trong suốt chiến dịch góp phần tạo nên yếu tố bất ngờ.

Địch vẫn dự đoán quân và dân ta sẽ không thể có cách nào để chuyển pháo binh đến gần các tập đoàn cứ điểm của chúng. Nếu vận chuyển bằng đường bộ thì không thể sử dụng xe cơ giới vì địa hình quá nhiều dốc núi hiểm trở. Hơn nữa, nếu quân ta có hành động di chuyển pháo bằng xe cơ giới thì chúng hoàn toàn có khả năng sử dụng các phương tiện quan sát hiện đại để phát hiện và dùng pháo binh, không quân để oanh tạc ngay lập tức. Chúng không thể ngờ đến việc chúng ta dùng sức người để thực hiện công việc kéo pháo.

Thế nhưng chúng ta đã xây dựng được những trận địa pháo kiên cố một cách bất ngờ. Pháo được bố trí phân tán trên các điểm cao thành một đường vòng cung bao vây tập đoàn cứ điểm và có thể ngắm bắn trực tiếp các mục tiêu ở dưới lòng chảo. Các trận địa này được xây dựng sâu vào sườn núi của dãy Tà Lèng và Pú Hồng Mèo, lại được nguy trang rất kín đáo nên máy bay trinh sát địch rất khó phát hiện. Ngoài những trận địa thật, chúng ta lại tổ chức những trận địa nghi binh để làm lạc hướng quân địch.

Khi chiến trường bắt đầu nổ súng, pháo binh ta từ ba bốn hướng bắn vào một trung tâm, pháo lại được đặt trong hầm, khoét sâu ở triền núi có nắp nguy trang. Còn pháo binh của địch từ một trung tâm phải quay vòng bắn ra bốn phía nên đã buộc phải phơi mình bộc lộ trên trận địa dã chiến. Vậy là ngay từ đầu, cuộc tập kích bằng pháo của ta đã rất bất ngờ và biến điểm mạnh của địch thành điểm yếu. Trong suốt 55 ngày đêm pháo binh ta ở trận địa che khuất được an toàn, trong khi 80% số bom đạn của địch đã đánh vào trận địa giả của ta. Có thể thấy việc tận dụng địa hình để nguy trang và nghi binh của quân ta đã thành công lớn.

Bên cạnh việc xây dựng trận địa pháo ở sườn núi và những nơi địch không ngờ tới, chúng ta đã hình thành một *hệ thống chiến hào, giao thông hào* vượt qua thung lũng từ nhiều hướng, tạo thành thế trận ngày càng vây chặt cả tập đoàn cứ điểm của địch.

Những tuyến chiến hào dài khoảng hơn 100 km và việc đào công sự được thực hiện liên tục thường xuyên. Dựa trên những yêu cầu về chiến thật, chúng ta đã xây dựng 2 loại đường hào: đường hào trực dùng cho việc cơ động pháo, vận chuyển thương binh, điều động bộ đội với số lượng lớn và đường hào tiếp cận địch của bộ binh.

Loại đường hào thứ nhất chạy một vòng rộng bao quanh toàn bộ trận địa địch ở phân khu trung tâm. Loại đường hào thứ hai chạy từ những vị trí trú quân của đơn vị trong rừng đổ ra cánh đồng cắt ngang đường hào trực, tiến vào vị trí địch mà ta sẽ tiêu diệt.

Các loại đường hào này đều có chiều sâu 1,7m và không quá rộng để bảo đảm an toàn trước bom đạn địch, giữ bí mật cho bộ đội khi di chuyển. Đáy của đường hào bộ binh rộng 0,5m, đáy hào trực rộng 1,2m. Dọc đường hào, bộ binh có hố phòng pháo, hầm trú ẩn, chiến hào và ụ súng để đối phó với những cuộc tiến công của địch.

Trận địa hào được xây dựng vào ban đêm, nguy trang rất kỹ và triển khai cùng một lúc trên toàn thể mặt trận nên đã phân tán được sự chống phá của địch. Việc đào hào, xây dựng trận địa thực sự đã là một cuộc chiến đấu. Bộ đội ta đã phải lao động cật lực từ 14 đến 18 tiếng mỗi ngày với những công việc liên tục như chuẩn bị vật liệu, đốn gỗ, chặt lá nguy trang. Thời tiết lại không thuận lợi: mưa dầm, gió bắc, công sự lầy lội bùn nước,...thậm chí mỗi tấc đất công sự đào được phải đổi bằng máu dưới làn mưa bom bão đạn của địch. Và cuối cùng bộ đội ta đã đưa trận địa chiến hào vào sát khu trung tâm tập đoàn cứ điểm, tạo ra một vòng vây siết chặt quân địch.

Thành công của trận địa bao vây là đã giải quyết được vấn đề tiếp cận địch trên địa hình bằng phẳng, vận chuyển lực lượng, giữ vững trận địa, tiến

hành chiến đấu liên tục ngày đêm, hạn chế tới mức cao tác dụng của pháo binh và không quân địch.

Theo từng đợt tiến công, trận địa chiến hào bao vây của ta đã ngày càng thắt chặt, hỏa lực bộ binh và pháo binh đã khống chế các khu trung tâm, đặc biệt là sân bay Mường Thanh được coi là “con át chủ bài” trong việc chi viện tiếp tế. Khi sân bay bị thất thủ, đồng thời với việc cầu hàng không bị cắt đứt hoàn toàn (đây có thể coi là một thành công lớn của quân ta), hàng vạn quân Pháp bị đẩy vào chỗ nguy khốn nghiêm trọng: thiếu lương thực, thuốc men, đạn dược trong một thung lũng lầy lội, rừng thiêng nước độc. “Lúc này Điện Biên Phủ thực sự trở thành một địa ngục đối với kẻ địch. Ở một địa thế trũng, những trận mưa đầu mùa đã làm rữa nát các công sự của chúng. Trời mưa bọn chúng sống trên mặt nước. Trời nắng cũng chẳng hơn gì, chúng vẫn nằm trên bùn và bùn dưới ánh mặt trời trở nên thật ngọt ngào”(1, tr.178).

Và như vậy những cơn mưa rừng của Điện Biên, những ngọn núi, những dải đất ở thung lũng Mường Thanh cũng đã trở thành vũ khí lợi hại để uy hiếp địch, buộc quân Pháp phải kéo cờ trắng đầu hàng.

Có thể thấy rằng, yếu tố “thiên thời, địa lợi” đã đóng vai trò quan trọng vào chiến thắng oanh liệt ở Điện Biên Phủ, chiến thắng đã ghi dấu vào lịch sử của dân tộc Việt Nam như “một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa giữa thế kỷ XX”. Tuy nhiên dân tộc Việt Nam vẫn thường có câu “thiên thời, địa lợi, nhân hoà”, có “nhân hoà” mới tác động, phát huy được “thiên thời” và “địa lợi”. Đó cũng là quá trình biểu hiện sự nỗ lực chủ quan rất lớn của dân tộc. Nhờ sự nhất trí đồng lòng của toàn dân mà chúng ta đã khắc phục được những khó khăn nhược điểm, thiếu thốn; dựa vào địa hình, địa thế để sáng tạo cách đánh địch phong phú, hạn chế chỗ mạnh và khoét sâu chỗ yếu của địch để chiến thắng.

Trong chiến thắng Điện Biên Phủ, chúng ta đã lợi dụng được địa hình hiểm trở của núi rừng để đề ra các phương thức tác chiến trong mỗi trận đánh: cách thức kéo pháo vào trận địa, dấu pháo ở sườn núi, đào công sự, hầm hào,... Nhưng tất cả những yếu tố đó đều được đặt trên một nền tảng quan trọng là sự đồng lòng đồng sức của tinh thần “tất cả cho tiền tuyến và tất cả để chiến thắng”.

Nhân dân ở vùng tự do Thanh - Nghệ tĩnh, vùng mới giải phóng Tây Bắc cũng như vùng sau lưng địch đều hăng hái tham gia phục vụ trận tuyến. Chúng ta đã tổ chức những tuyến cung cấp dài 400 - 500 km từ Thanh Hóa, Phú Thọ đến Tây Bắc. Chúng ta đã huy động mọi phương tiện hiện đại và thô sơ có thể huy động được để vận chuyển lương thực, đạn dược ra mặt

trận. Các đoàn xe ô tô đi không đèn trong suốt nhiều đêm, hàng vạn xe đạp thồ, xe đẩy thô sơ, hàng ngàn thuyền mảng, đoàn lừa, ngựa được sử dụng để vận chuyển lương thực, đạn dược qua đường lớn, đường nhỏ, suối sâu, đèo cao, chỉ viện cho tiền tuyến. Cả dân tộc Việt Nam đã đảm bảo công việc hậu cần cho một lực lượng bộ đội lớn, tác chiến trên một mặt trận rất xa hậu phương, trong một thời gian dài; một việc làm mà quân Pháp không thể lường trước được, nằm ngoài sức tưởng tượng của chúng.

Rõ ràng tinh thần quyết chiến, quyết thắng, đoàn kết đồng lòng, đồng sức của dân tộc ta và nghệ thuật phát huy yếu tố “thiên thời, địa lợi” đã là những nhân tố quyết định tạo nên sức mạnh tổng lực làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ.

L.T.T

Chú thích:

* Theo cuốn hồi ký của Hăngri Nava

Tài liệu tham khảo

1. *Chiến thắng Điện Biên Phủ* (Hồi ký), NXB QĐND, Hà nội, 1971.
2. Hồ Đệ, *Góp phần tìm hiểu đặc điểm nghệ thuật quân sự Việt Nam trong lịch sử giữ nước*, NXB QĐND, Hà nội, 2000.
3. Nguyễn Thế Vị, *Nhân tố văn hoá trong truyền thống quân sự Việt Nam*, NXB QĐND, Hà Nội, 1999.
4. Phạm Hồng Sơn, *Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam*, NXB QĐND, Hà Nội, 2004.
5. Võ Nguyên Giáp, *Điện Biên Phủ 50 năm nhìn lại*, NXB QĐND, Hà Nội, 2004.
6. *Đại tướng Võ Nguyên Giáp với chiến dịch Điện Biên Phủ*, NXB QĐND, Hà Nội, 2004.
7. Viện Lịch sử quân sự, *Tóm tắt các chiến dịch trong kháng chiến chống Pháp*.